

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2023/ DS-ST
Ngày 30- 6- 2023
V/v : “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Anh Trí

2. Ông Trần Thanh Duy

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thy - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2022/TLST- DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-DS, ngày 23/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2023/QĐST-DS, ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1956; **ông Phạm T**, sinh năm 1952.

Cùng địa chỉ: Thôn N.L, xã H.T.Đ, huyện N.H, tỉnh Quảng Ngãi.

2. ***Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1971; chị **Nguyễn Thị Tuyết P**, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Thôn K.G, xã H.T.Đ, huyện N.H, tỉnh Q.N.

Bà S, ông T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Chị P, anh S vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ bà Nguyễn Thị S, ông Phạm T trình bày:***

Do chỗ quen biết nên ngày 13/02/2015 và ngày 04/12/2015 Bà Nguyễn Thị S, ông Phạm T cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyết P, ông Nguyễn Văn S mượn tổng số tiền 15.000.000đồng, hai bên có viết 02 “giấy mượn tiền” vào ngày 13/02/2015 mượn số tiền 5.000.000đồng, ngày 04/12/2015 mượn số tiền

10.000.000đồng, với thời hạn trả tiền hai bên thỏa thuận là 12 tháng kể từ ngày mượn tiền, về lãi suất hai bên không thỏa thuận. Đến hẹn vợ chồng bà Sáu có đến nhà vợ chồng ông S, bà P hỏi nợ nhưng vì không có tiền trả nên ông S, bà P xin thêm thời gian trả nợ nên vợ chồng bà S đồng ý. Đến cuối năm 2021 vợ chồng bà S tiếp tục đến để hỏi nợ nhưng vợ chồng ông S, bà P không có tiền trả. Vì vậy, bà S, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Tuyết P trả số tiền nợ gốc đã mượn là 15.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi đối với số tiền trên.

**Bị đơn:* Tại bản trình bày không đề ngày tháng năm và tại Biên bản lấy lời khai đề ngày 13/12/2022 bà Nguyễn Thị Tuyết P trình bày: Bà P và ông S có mượn của bà S, ông T hai lần tiền tổng cộng là 15.000.000 đồng. Trong quá trình thì vợ chồng bà P đã trả được cho bà S tổng cộng số tiền là 9.000.000 đồng (không xác định được 9.000.000 đồng là tiền lãi hay tiền tiền gốc). Trước ngày 25/12/2021 âm lịch bà P, ông S và ông T, bà S đã thỏa thuận ông S, bà P còn chỉ trả cho bà S, ông T tiền gốc là 15.000.000 đồng và ngày 25/12/2021 âm lịch bà P, ông S đã trả cho bà S, ông T số tiền 5.000.000 đồng. Và nhiều lần đòi trả số tiền 10.000.000 đồng nhưng bà Sáu không chịu nhận. Hiện nay vợ chồng bà Phương chỉ thừa nhận còn nợ bà S, ông T số tiền là 10.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn S không có lời khai.

Tại phiên tòa ông S, bà P vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228 BLTTDS; khoản 3 Điều 40, Điều 466 BLDS 2015; Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của HĐTP TAND Tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, kính đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S, ông Phạm T; buộc bà Nguyễn Thị Tuyết P, ông Nguyễn Văn S trả nợ số tiền nợ gốc 15.000.000đồng. Về án phí DSST: bà Nguyễn Thị Tuyết P, ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị S được miễn tiền tạm ứng án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Bà Nguyễn Thị Tuyết P, ông Nguyễn Văn S có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Thôn K.G, xã H.T.Đ, huyện N.H, tỉnh Quảng Ngãi. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 228 HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn: Ông S, bà P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228 HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị S, ông Phạm T cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản chính “Giấy mượn tiền” ngày 13/02/2015 mượn số tiền 5.000.000đồng, ngày 04/12/2015 mượn số tiền 10.000.000đồng, với thời hạn trả tiền hai bên thỏa thuận là 12 tháng kể từ ngày mượn tiền, về lãi suất hai bên không thỏa thuận.

Đối với lời khai nại của bà Nguyễn Thị Tuyết P cho rằng đã trả cho bà S số tiền 9.000.000 đồng (không xác định được là tiền lãi hay tiền gốc) và chỉ thừa nhận còn nợ bà S, ông T số tiền là 10.000.000 đồng nhưng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình. Tòa án đã triệu tập các bên để đối chất nhưng bà P, ông S không có mặt nên không thể đối chất được. Tòa án đã làm Thông báo yêu cầu giao nộp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ nhưng ông S, bà P không cung cấp tài liệu chứng cứ nên HĐXX không có cơ sở để xem xét.

Xét thấy 02 “Giấy mượn tiền” đề ngày 13/02/2015 mượn số tiền 5.000.000đồng và ngày 04/12/2015 mượn số tiền 10.000.000đồng. Quá trình làm việc bà Nguyễn Thị Tuyết P thừa nhận vợ chồng bà P có vay của ông T, bà S hai lần tổng cộng là 15.000.000 đồng.

Do đó bà Nguyễn Thị S, ông Phạm T khởi kiện yêu cầu bà P và ông S phải trả số tiền gốc đã vay 15.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tiền lãi ông T, bà S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành là đúng pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tuyết P, ông Nguyễn Văn S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 3 Điều 40, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của HĐTP TAND Tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S và ông Phạm T.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết P, ông Nguyễn Văn S phải trả cho bà Nguyễn Thị S, ông Phạm T số tiền gốc đa vay là 15.000.000 đồng. Về lãi suất: ông T, bà S không yêu cầu nên không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết P, ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 đồng. (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)

- Bà Nguyễn Thị S, ông Phạm T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Nghĩa Hành;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hành;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Lê Thị Diệu